

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



PHẠM THỊ THẢO

**HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Ngành: **Luật Kinh tế**

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Duy Phương**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài | 1 |
| 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài..... | 1 |
| 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:..... | 2 |
| 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... | 3 |
| 5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu..... | 3 |
| 6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn | 4 |
| 7. Kết cấu của đề tài | 4 |
| CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH..... | 6 |
| 1.1. Khái quát về hành vi hạn chế cạnh tranh..... | 6 |
| 1.1.1. Khái niệm về hành vi hạn chế cạnh tranh | 6 |
| 1.1.2. Đặc điểm của hành vi hạn chế cạnh tranh..... | 6 |
| 1.1.3. Các loại hành vi hạn chế cạnh tranh | 7 |
| 1.1.4. Yêu cầu điều chỉnh bằng pháp luật đối với hành vi hạn chế cạnh tranh | 7 |
| 1.2. Khái quát pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh | 7 |
| 1.2.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh..... | 7 |
| 1.2.2. Nội dung cần điều chỉnh của pháp luật đối với hành vi hạn chế cạnh tranh. | 8 |
| 1.2.3. Các yếu tố chi phối nội dung pháp luật điều chỉnh hành vi hạn chế cạnh tranh..... | 9 |
| Kết luận chương 1 | 10 |
| CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC THI PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH ... | 11 |
| 2.1 Thực trạng pháp luật Việt Nam về hành vi hạn chế cạnh tranh..... | 11 |
| 2.1.1 Quy định pháp luật về hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh | 11 |
| 2.1.2 Quy định pháp luật về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường.... | 11 |

| | |
|---|-----------|
| 2.1.3. Quy định pháp luật về hành vi lạm dụng vị trí độc quyền..... | 11 |
| 2.2. Thực tiễn thực thi các quy định pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh..... | 12 |
| 2.2.1. Những kết quả đạt được trong thực tiễn thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh..... | 12 |
| 2.2.2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trong thực tiễn thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh..... | 13 |
| Kết luận chương 2 | 15 |
| CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH | 16 |
| 3.1. Định hướng hòa thiện pháp luật về nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật Việt Nam về hành vi hạn chế cạnh tranh | 16 |
| 3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hành vi hạn chế cạnh tranh..... | 16 |
| 3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh..... | 16 |
| 3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường | 17 |
| 3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về hành vi lạm dụng vị trí độc quyền | 17 |
| 3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh | 18 |
| Kết luận chương 3 | 19 |
| KẾT LUẬN | 20 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 21 |

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| TT | Chữ viết tắt | Nội dung đầy đủ |
|-----------|---------------------|-------------------------------|
| 1 | BCT | Bộ Công thương |
| 2 | CQLCT | Cục quản lý Cạnh tranh |
| 3 | CTKLM | Cạnh tranh không lành mạnh |
| 4 | CARTER | Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh |
| 5 | HCCT | Hạn chế cạnh tranh |
| 6 | HĐCT | Hội đồng cạnh tranh |
| 7 | TTKT | Tập trung kinh tế |
| 8 | LCT | Luật Cạnh tranh |
| 9 | EU | Liên minh châu Âu |
| 10 | UBCTQG | Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia |
| 11 | WTO | Tổ chức thương mại thế giới |

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài

Sau hơn 12 năm thi hành, thì Luật Cạnh tranh 2004 hiện tại đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập trong nội dung quy định và không còn phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay, khiến cho cơ quan cạnh tranh trong quá trình áp dụng luật gặp nhiều bất cập, vướng mắc. Vì thế, Luật Cạnh tranh năm 2018 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 12/6/2018, thay thế cho Luật Cạnh tranh 2004 với nhiều quy định mới được sửa đổi, bổ sung. Luật Cạnh tranh mới có hiệu lực từ ngày 01/7/2019.

Luật Cạnh tranh 2018 đã bổ sung các quy định cụ thể, chặt chẽ nhằm đảm bảo cho hoạt động của các doanh nghiệp tham gia vào thị trường một cách lành mạnh, đáp ứng được nhu cầu pháp lý về môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng của nền kinh tế thị trường.

Dẫu rằng, Luật Cạnh tranh năm 2018 được ban hành và kèm theo các văn bản hướng dẫn, nhưng trong thực tế việc xác định hành vi hạn chế cạnh tranh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan quản lý nhà nước và cho cả doanh nghiệp. Chính vì vậy, tác giả chọn đề tài *“Hành vi hạn chế cạnh tranh theo pháp luật Việt Nam”* để làm Luận văn thạc sĩ, với mong muốn phân tích được thực trạng pháp luật cũng như thực tiễn thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh, từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh (HCCT).

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Với tình hình ngày càng phát triển của nền kinh tế thị trường, thì cạnh tranh không còn là một lĩnh vực xa lạ, hoạt động này tác động đến khắp các lĩnh vực trong đời sống thực tiễn xã hội. Vai trò và yếu tố ảnh hưởng của hoạt động cạnh tranh ngày một trở nên cần thiết đối với các hoạt động kinh doanh trên thị trường. Song song với đó, đã có không ít các doanh nghiệp vì mục đích triệt tiêu đối thủ cạnh tranh để chiếm lấy vị thế thống lĩnh, vị thế độc quyền đã thực hiện các hành vi HCCT. Thực tiễn này, đã thu hút rất nhiều các độc giả quan tâm, nghiên cứu. Điềm lại các công trình nghiên cứu liên quan, liên quan đến đề tài nghiên cứu, đã có các nghiên cứu điển hình sau đây:

Bộ Công thương, “*Kết quả đạt được sau 02 năm thực hiện Luật Cạnh tranh: Góc nhìn từ cơ quan quản lý*”¹. Công trình đã chỉ ra những điểm mới của Luật Cạnh tranh mới so với Luật cũ từ đó nêu ra những kết quả đã đạt được sau khi hoàn thiện quy định pháp luật. Tuy nhiên, bài viết mới chỉ nêu ra những mặt đã đạt được mà chưa đi sâu vào phân tích các vấn đề liên quan đến hoạt động hạn chế cạnh tranh.

Nguyễn Thị Trâm (2019), *Thực hiện pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, thực hiện tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, đã tập trung làm sáng tỏ các vấn đề lý luận, phân tích, đánh giá thực trạng, luận án xác định các quan điểm pháp luật về kiểm soát HCCT ở Việt Nam hiện nay mà chưa đưa ra những giải pháp cụ thể cho từng bất cập.

Phạm Phương Thảo (2021), *Pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học: 9380107, thực hiện tại Trường Đại học Luật Hà Nội, đã tập trung làm rõ các vấn đề liên quan đến xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh, thực tiễn ban hành và thực thi pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam. Tuy nhiên chưa phân tích rõ những bất cập còn tồn tại.

Trần Thuỳ Linh (2020) *Kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường theo pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật Kinh tế: 9380107, thực hiện tại Trường Đại học Luật Hà Nội, phân tích, đánh giá thực trạng quy định và thực tiễn thực thi pháp luật về kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, từ đó thấy được những bất cập về căn cứ xác định hành vi trên mà chưa đi sâu vào các bất cập.

Điểm lại kết quả nghiên cứu trên cho thấy, đã làm rõ một hoặc một số nội dung liên quan đến vấn đề lý luận và thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam về hành vi HCCT. Kết quả này sẽ được công trình tiếp nhận, kế thừa để đi làm rõ thêm các vấn đề lý luận về hành vi HCCT cũng như trong quá trình đánh giá thực trạng pháp luật. Tuy vậy, có thể thấy, hiện nay chưa có một công trình nào, nghiên cứu đầy đủ, toàn diện cả về mặt lý luận và thực tiễn về hành vi HCCT, đặc biệt, nghiên cứu các hành vi này theo quy định của Luật Cạnh tranh 2018 và các văn bản liên quan. Vì lý do đó, tác giả nhận thấy việc nghiên cứu đề tài này có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu các vấn đề lý luận và quy định của pháp luật cũng như thực tiễn thực thi pháp luật về hành vi HCCT, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm

¹ <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ket-qua-dat-duoc-sau-2-nam-thuc-hien-luat-canhh-tranh-goc-nhin-tu-co-quan-quan-ly-83759.htm>, truy cập ngày 13/3/2023.

góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật Việt Nam đối với hành vi HCCT.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhằm đạt được mục tiêu đã nói ở trên, đề tài có các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

Thứ nhất, nghiên cứu những vấn đề lý luận về cạnh tranh, hành vi HCCT, bao gồm khái quát về cạnh tranh, hành vi HCCT; khái quát pháp luật về hành vi HCCT.

Thứ hai, nghiên cứu quy định của pháp luật về hành vi HCCT, từ đó đánh giá được thực trạng pháp luật cũng như thực tiễn thực thi pháp luật về hành vi HCCT.

Thứ ba, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về căn cứ xác định hành vi HCCT, từ đó làm cơ sở pháp lý cho việc xác định hành vi hạn chế cạnh tranh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận về cạnh tranh và hành vi HCCT;

Nghiên cứu quy định của pháp luật về hành vi HCCT.

Nghiên cứu thực tiễn thực thi pháp luật về hành vi HCCT.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Thứ nhất, về nội dung nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu quy định của pháp luật cạnh tranh để làm rõ những vấn đề lý luận về hành vi hạn chế cạnh tranh ở chương 1. Trong chương 2 và chương 3, đề tài tập trung làm rõ thực trạng pháp luật cũng như thực tiễn pháp luật và đề xuất các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh theo pháp luật cạnh tranh.

Thứ hai, về phạm vi không gian: Đề tài nghiên cứu tập trung các quy định của pháp luật Việt Nam cũng như thực tiễn thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam.

Thứ hai, phạm vi về thời gian: Đề tài nghiên cứu trong giai đoạn từ 2019 đến tháng 3 năm 2023 (Đây là thời điểm Luật Cạnh tranh năm 2018 bắt đầu có hiệu lực thi hành).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Với các yêu cầu đặt ra trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin, nhằm nghiên cứu khoa học pháp lý, làm nền tảng trong quá trình phân tích và đi đến kết luận vấn đề nghiên cứu liên quan đến hành vi hạn chế cạnh tranh.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích, so sánh luật học được sử dụng nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh tại chương 1.

Phương pháp thống kê, so sánh được sử dụng để nghiên cứu các vụ việc về hành vi hạn chế cạnh tranh tại chương 2.

Phương pháp quan sát, phân tích thực tiễn được sử dụng để làm rõ được những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng quy định về hành vi hạn chế cạnh tranh tại chương 2.

Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng ở chương 3 để đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn

6.1. Đóng góp về mặt lý luận

(i) Tiếp cận từ việc luận giải một cách có hệ thống các khái niệm về hành vi hạn chế cạnh tranh, Luận văn đã phân tích và đi đến xây dựng và luận giải được nội hàm khái niệm hành vi hạn chế cạnh tranh. Đồng thời, từ phân tích rõ những vấn đề lý luận và pháp luật cũng như thực tiễn về hành vi hạn chế cạnh tranh, từ đó chỉ rõ những bất cập từ quy định của pháp luật cũng như thực tiễn thực thi các quy định của pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh.

(iii) Từ luận cứ khoa học được xây dựng trên cơ sở phân tích, tổng hợp những vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận văn đã đề xuất được các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh.

6.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

(i) Đối với nhà làm luật: Các giải pháp đề xuất trong công trình là kênh tài liệu tham khảo hữu ích giúp các nhà làm luật tiếp tục hoàn thiện pháp luật nhằm kiểm soát hiệu quả hành vi hạn chế cạnh tranh trên thị trường trong thời gian tới.

(ii) Đối với các doanh nghiệp: Việc phân tích các hành vi hạn chế cạnh tranh, đồng thời đề xuất các giải pháp, giúp nhận diện được các hành vi vi phạm, từ đó có hoạt động cạnh tranh đúng pháp luật.

(iii) Đối các nhà khoa học quan tâm: Luận văn là tài liệu bổ ích cho sinh viên trong quá trình nghiên cứu, học tập của mình, và làm tài liệu bổ ích cho các độc giả quan tâm nghiên cứu lĩnh vực này.

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH

1.1. Khái quát về hành vi hạn chế cạnh tranh

1.1.1. Khái niệm về hành vi hạn chế cạnh tranh

Tổng hợp và kế thừa các kết quả nghiên cứu, có thể hiểu một cách khái quát về hành vi HCCT là Từ các quan điểm trên có thể hiểu “là hành vi của một doanh nghiệp hoặc một nhóm doanh nghiệp gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh, làm thay đổi sai lệch hoặc triệt tiêu cạnh tranh, mất đi tình trạng cân bằng và lành mạnh của hoạt động cạnh tranh trên thị trường”.

1.1.2. Đặc điểm của hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, về chủ thể thực hiện hành vi HCCT. Hành vi HCCT là hành vi do một hoặc một nhóm doanh nghiệp thực hiện trên thị trường. Doanh nghiệp ở đây được hiểu là tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên thị trường (gọi chung là doanh nghiệp)².

Thứ hai, bản chất của hành vi HCCT. Đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi HCCT luôn là những doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp có sức mạnh thị trường (có vị trí độc quyền; có vị trí thống lĩnh hoặc thỏa thuận kết hợp với nhau để tạo nên sức mạnh thị trường). Ngược lại, đối với hành vi CTKLM, để thực hiện hành vi trong nhóm này thì bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể thực hiện hành vi (không bắt buộc phải là doanh nghiệp có sức mạnh thị trường).

Thứ ba, đối tượng bị tác động bởi hành vi HCCT. Đối tượng tác động của hành vi HCCT rất đa dạng, nhưng tập trung và phổ biến đó là giá cả của hàng hóa, dịch vụ trên thị trường; đưa ra các điều kiện bất lợi cho đối thủ cạnh tranh hoặc hoạt động thông thầu trong đấu thầu, v.v, điều này đi trái ngược lại với quyền tự do cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Thứ tư, về hậu quả của hành vi HCCT gây ra. Hành vi HCCT là hành vi đi ngược lại lợi ích công cộng. Hành vi HCCT gây các tác động tiêu cực đến môi trường cạnh tranh, đi ngược với lợi ích của nhiều chủ thể trong xã hội trong đó có người tiêu dùng, một chủ thể đồng đẳng trong xã hội.

² Cách hiểu này nhằm tạo sự thống nhất trong quá trình nghiên cứu với khoản 2 Điều 2 Luật Cạnh tranh năm 2018.

Thứ năm, mục đích của hành vi HCCT. Mục đích của doanh nghiệp thực hiện hành vi HCCT là dựa vào sức mạnh của mình để độc quyền thị trường hay không chế đối thủ cạnh tranh, cản trở sự gia nhập thị trường của các chủ thể kinh doanh tiềm năng, muốn điều tiết giá cả thị trường theo hướng riêng, tạo ra sự mất cân bằng giữa cung cầu, thu lại lợi nhuận một cách tiêu cực.

Thứ sáu, căn cứ để xác định hành vi HCCT. căn cứ chung để xác định hành vi HCCT là vấn đề xác định thị trường liên quan; xác định sức mạnh thị trường; gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh.

1.1.3. Các loại hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh. Để giảm áp lực cạnh tranh và gia tăng lợi nhuận ngắn hạn, các doanh nghiệp có thể tìm cách “*cấu kết – thỏa thuận*” với nhau.

Thứ hai, là hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường. Đây là hành vi của doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh trên thị trường nhưng đã lạm dụng sức mạnh từ vị trí của mình để gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh.

Thứ ba, hành vi lạm dụng vị trí độc quyền trên thị trường. Việc các doanh nghiệp kinh doanh trên thị trường tạo ra vị trí độc quyền bằng những hành vi cạnh tranh lành mạnh, công bằng là điều mà các quốc gia luôn khuyến khích. Tuy nhiên, Nhà nước và pháp luật sẽ trừng phạt doanh nghiệp khi chúng sử dụng vị trí độc quyền như một lợi thế trong các quan hệ thị trường và đặt các chủ thể khác vào tình trạng bất lợi.

1.1.4. Yêu cầu điều chỉnh bằng pháp luật đối với hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, cần có các quy định chặt chẽ và chế tài nghiêm khắc đối với hành vi HCCT.

Thứ hai, cần có các biện pháp hữu hiệu để kiểm soát hiệu quả HCCT.

Thứ ba, các quy định của luật cạnh tranh cần xem xét mức độ trừng phạt đối với từng hành vi HCCT phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Thứ tư, những hành vi HCCT nhưng có thể đem lại hiệu quả kinh tế mà không thể đạt được thông qua cạnh tranh cần được xem xét tính hợp lý thay vì cấm tuyệt đối.

1.2. Khái quát pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh

Một cách khái quát nhất có thể hiểu, pháp luật về hành vi HCCT là tổng hợp những quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để điều chỉnh các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, hành vi lạm dụng vị trí độc quyền, vị trí thống lĩnh trên thị trường nhằm loại bỏ những hành vi gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh, làm thay đổi sai lệch hoặc triệt tiêu cạnh tranh trên thị trường. Từ cách hiểu này, có thể nhận diện pháp luật về hành vi HCCT qua những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, pháp luật về hành vi HCCT có tính tiếp cận từ mặt trái của hành vi. Điều này thể hiện ở chỗ, trong Luật Cạnh tranh không có điều khoản nào quy định các doanh nghiệp cần làm gì, hay hướng dẫn các doanh nghiệp phải làm gì để đảm bảo cạnh tranh trên thị trường. Mà các quy định chủ yếu hướng tới việc cấm đoán các hành vi phản cạnh tranh của các doanh nghiệp. Đây cũng là đặc điểm chung của pháp luật cạnh tranh tất cả các nước trên thế giới. Sở dĩ có đặc trưng này bởi vì cạnh tranh vốn là khái niệm hết sức trừu tượng.

Thứ hai, pháp luật về hành vi HCCT có tính mềm dẻo. Theo đó pháp luật cạnh tranh thường đặt ra các điều khoản mở và những quy định miễn trừ cho phép cơ quan thi hành Luật Cạnh tranh có thể áp dụng pháp luật một cách linh hoạt.

Thứ ba, nội dung điều chỉnh của pháp luật về hành vi HCCT. Nội dung của pháp luật về hành vi HCCT là một bộ phận cấu thành và không thể tách rời của pháp luật cạnh tranh.

1.2.2. Nội dung cần điều chỉnh của pháp luật đối với hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, quy định về hành vi thỏa thuận HCCT. Để kiểm soát hiệu quả đối với nhóm hành vi này, các quy định của pháp luật cần làm rõ những nội dung như, thỏa thuận HCCT phải là thỏa thuận chính thức giữa các doanh nghiệp; là quyết định của một nhóm doanh nghiệp; sự thỏa thuận này được xem là hành vi có bản tính, thống nhất ý chí cùng thực hiện hành vi; xác định rõ chủ thể thỏa thuận HCCT thường là các doanh nghiệp; bản chất của hành vi thỏa thuận HCCT; hậu quả gây ra của hành vi HCCT là làm sai lệch cạnh tranh trên thị trường, triệt tiêu đối thủ cạnh tranh.

Thứ hai, quy định cấm hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường. Các nội dung của pháp luật cần tập trung vào: Làm rõ vị trí thống lĩnh của doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp kinh doanh trên thị trường; căn cứ để xác định vị trí

thống lĩnh của doanh nghiệp trên thị trường; các hành vi được xem là lạm dụng vị trí thống lĩnh; trình tự, thủ tục để giải quyết các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường.

Thứ ba, quy định cấm hành vi lạm dụng vị trí độc quyền. Để bảo vệ môi trường cạnh tranh được diễn ra lành mạnh, công bằng, pháp luật của các quốc gia cần quy định cấm các hành vi lạm dụng vị trí độc quyền để gây hạn chế cạnh tranh trên thị trường. Các nội dung của pháp luật cần tập trung vào: Làm rõ vị trí độc quyền của doanh nghiệp kinh doanh trên thị trường; căn cứ để xác định vị trí độc quyền của doanh nghiệp trên thị trường; các hành vi được xem là lạm dụng vị trí độc quyền; trình tự, thủ tục để giải quyết các hành vi lạm dụng vị trí độc quyền thị trường.

1.2.3. Các yếu tố chi phối nội dung pháp luật điều chỉnh hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, quá trình phát triển nền kinh tế và vị thế quốc gia có tác động tới xây dựng và áp dụng pháp luật về hành vi HCCT.

Thứ hai, quan điểm của các đảng phái chính trị và chính sách pháp luật của mỗi quốc gia với hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hóa thương mại với vấn đề thực thi pháp luật về cạnh tranh nói chung và hành vi HCCT nói riêng.

Thứ ba, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của mỗi quốc gia.

Thứ tư, kinh nghiệm hội nhập quốc tế và vị thế của mỗi quốc gia trên trường quốc tế.

Kết luận chương 1

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về nhóm hành vi này, công trình đã làm rõ được những nội dung cơ bản sau đây:

(i) Hành vi HCCT là hành vi của một doanh nghiệp hoặc một nhóm doanh nghiệp gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh, làm thay đổi sai lệch hoặc triệt tiêu cạnh tranh, mất đi tình trạng cân bằng và lạnh mạnh của hoạt động cạnh tranh trên thị trường.

(ii) Nhóm hành vi HCCT bao gồm 03 hành vi sau đây: Hành vi thỏa thuận HCCT; Hành vi lạm dụng vị trí độc quyền; Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường.

(iii) Pháp luật về hành vi HCCT chính là là tổng hợp những quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để điều chỉnh các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, hành vi lạm dụng vị trí độc quyền, vị trí thống lĩnh trên thị trường nhằm loại bỏ những hành vi gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh, làm thay đổi sai lệch hoặc triệt tiêu cạnh tranh trên thị trường

(iv) Vì vậy, nội dung pháp luật về HCCT cần điều chỉnh ba hành vi sau: : Hành vi thỏa thuận HCCT; Hành vi lạm dụng vị trí độc quyền; Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC THI PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH

2.1 Thực trạng pháp luật Việt Nam về hành vi hạn chế cạnh tranh

2.1.1 Quy định pháp luật về hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh

Quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018 vẫn còn tồn tại một số bất cập dẫn đến hiệu quả thực thi chưa cao, cụ thể:

Thứ nhất, chưa xác định đúng bản chất nguy hiểm của các hành vi HCCT cần phải bị cấm tuyệt đối.

Thứ hai, các điều kiện miễn trừ áp dụng đối với một số loại thỏa thuận HCCT đang khá chung chung, chưa thực sự rõ ràng.

Thứ ba, không đưa ra các dấu hiệu để giải thích về việc xác định hình thức “thỏa thuận”.

Thứ tư, các quy định về hình phạt và áp dụng hình phạt đối với thỏa thuận HCCT chưa thật sự nghiêm khắc và chưa có cơ chế động viên các bên của thỏa thuận chủ động tố giác thỏa thuận HCCT³.

2.1.2 Quy định pháp luật về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường

Quy định về hành vi phân biệt đối xử của doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh của Luật Cạnh tranh bộc lộ những hạn chế sau đây:

Một là, quy định về các tiêu chí để xác định tính chất tương tự của các giao dịch là không hợp lý.

Hai là, quy định về các điều kiện thương mại còn quá chung chung, định tính khó xác định.

Ba là, không có quy định cụ thể để xác định biểu hiện phân biệt đối xử đối với từng điều kiện thương mại.

2.1.3. Quy định pháp luật về hành vi lạm dụng vị trí độc quyền

Qua phân tích nhận thấy, các quy định về kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí độc quyền còn bộc lộ những điểm bất cập:

³ Bộ luật Hình sự 2015 đã hình sự hóa hành vi thỏa thuận HCCT, khẳng định tính nghiêm khắc của pháp luật đối với hành vi này. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng việc quy định về hành vi này tại Điều 217 chưa được nghiên cứu kỹ và có thể làm phát sinh nhiều vấn đề trong quá trình thực hiện. Xem thêm: Đoàn Tử Tích Phước (2016), Chống Cartel, phải phạt thật nặng, <http://baodautu.vn/chong-cartel-phai-phat-that-nang-d38992.html> (truy cập lần cuối: 09/05/2017).

Thứ nhất, quy định chưa bao quát các hành vi lạm dụng vị trí độc quyền.

Thứ hai, chưa xác định đúng hậu quả của hành vi lợi dụng vị trí độc quyền để đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng đã giao kết mà không có lý do chính đáng.

2.2. Thực tiễn thực thi các quy định pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh

2.2.1. Những kết quả đạt được trong thực tiễn thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, về hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn, thực thi Luật Cạnh tranh năm 2018 nói chung và hành vi HCCT nói riêng. BCT đã chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định hướng dẫn thực thi Luật Cạnh tranh 2018: (i) Nghị định 75/2019/NĐ-CP của chính phủ quy định về hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh; Nghị định 35/2020/NĐ-CP của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh năm 2018; Nghị định 03/2023/NĐ-CP của chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban cạnh tranh quốc gia. Thực thi các quy định này, từ năm 2019 đến năm 2022, cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh đã hoạt động khá hiệu quả và kết quả đạt được. Hơn nữa, để xử lý kịp thời, hiệu quả các hành vi HCCT, thời gian qua, BCT đã báo cáo cấp có thẩm quyền trong việc hoàn thiện mô hình tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia hướng tới xây dựng một cơ quan cạnh tranh đảm bảo vị thế độc lập, hiệu quả. Trên cơ sở đó, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

Thứ hai, về công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về hành vi HCCT. Để các quy định trong Luật Cạnh tranh 2018 nói chung và quy định về hành vi HCCT nói riêng thực sự đi vào cuộc sống, đặc biệt là những điểm mới của luật được cơ quan, tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp tuân thủ, thực thi, công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn được đẩy mạnh và bằng nhiều hình thức khác nhau phù hợp với bối cảnh tình hình thực tế: hội thảo, khóa đào tạo, in tài liệu, sách hướng dẫn⁴.

⁴ Ban chỉ đạo 35 Bộ Công thương (2020), “*Kết quả đạt được sau 2 năm thực hiện Luật Cạnh tranh: Góc nhìn từ cơ quan quản lý*”. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ket-qua-dat-duoc-sau-2-nam-thuc-hien-luat-can-phanh-goc-nhin-tu-co-quan-quan-ly-83759.htm>, truy cập ngày 3/3/2023.

Thứ ba, thực tiễn tiến hành tố tụng đối với vụ việc HCCT. Về quản lý hạn chế cạnh tranh, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra tiền tố tụng gần 100 vụ việc trên nhiều thị trường, lĩnh vực, ngành nghề để thu thập, xác minh các thông tin, dấu hiệu về các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật cạnh tranh. Trên cơ sở đó, khởi xướng điều tra 5 vụ việc và đã xử lý 4 vụ việc; trong đó, có những vụ việc thu hút sự quan tâm của dư luận như vụ việc lạm dụng vị trí thống lĩnh trên thị trường du lịch, vụ việc Grab và Uber, v.v.⁵

2.2.2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trong thực tiễn thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, số vụ việc HCCT được tiến hành điều tra, xử lý còn rất ít và số tiền phạt còn rất hạn chế.

Thứ hai, hoạt động tiến hành tố tụng để giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi HCCT gây ra còn ít và chưa có kết quả cụ thể.

Thứ ba, chưa có vụ việc HCCT nào được giải quyết bằng biện pháp hình sự.

Qua khảo sát nhận thấy, những tồn tại trên đây xuất phát từ những nguyên nhân cụ thể sau:

Một là, vị trí pháp lý của cơ quan tiến hành tố tụng chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết vụ việc HCCT.

Hai là, trong thực tiễn tiến hành các hoạt động tố tụng đối với hành vi HCCT, đội ngũ cán bộ công chức tại các cơ quan tiến hành tố tụng nhìn chung chưa đủ về số lượng, thiếu kinh nghiệm thực tiễn.

Ba là, cơ quan tiến hành tố tụng đối với hành vi HCCT được quy định nhiều cơ quan nhưng không có sự phân định thẩm quyền và cơ chế phối hợp.

Bốn là, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Mặc dù công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về cạnh tranh đã được thực hiện thường xuyên, liên tục nhưng nhìn chung chưa hiệu quả, công tác này ở một số địa phương còn chưa sâu rộng, không thường xuyên kịp thời, nên nhận thức về pháp luật cạnh tranh nói chung và xử lý vụ việc cạnh tranh nói riêng trong cộng đồng doanh nghiệp và xã hội còn chưa cao.

Năm là, xuất phát từ các điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

⁵ Uyên Hương (2021), “Luật Cạnh tranh 2018: Tạo lập môi trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh”. <https://bnews.vn/luat-canhh-tranh-2018-cao-lap-moi-truong-canhh-tranh-cong-bang-lanh-manhh/218102.html>. Truy cập ngày 12/3/2023.

Sáu là, thiếu kinh phí hoạt động. Để tiến tổ tụng một vụ việc cạnh tranh, cơ quan tiến hành tố tụng cần phải thực hiện các nghiệp vụ: thu thập thông tin, xác minh chứng cứ, v.v. Theo quy định hiện hành, thì nguồn ngân sách hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng được bố trí theo ngân sách hoạt động hàng năm của BCT. Quy định này làm hạn chế tính chủ động trong các hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh, đặc biệt với đặc thù có nhiều hoạt động trong và ngoài nước như cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh

Kết luận chương 2

Tổng kết thực tiễn nghiên cứu cho thấy, pháp luật Việt Nam về hành vi HCCT đang bộc lộ những bất cập, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả bảo vệ doanh nghiệp cũng như ngành sản xuất nội địa trước các hành vi HCCT đến từ doanh nghiệp kinh doanh trên thị trường. Cụ thể:

(i) Các quy định về hành vi thỏa thuận HCCT còn những điểm bất cập, như các quy định chưa dự liệu được toàn bộ hành vi thỏa thuận HCCT có thể diễn ra trong thực tiễn; mức xử lý hành vi HCCT còn rất thấp so với kinh nghiệm quốc tế; Cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh chưa được thành lập kịp thời; Các quy định về kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí độc quyền, vị trí thống lĩnh thị trường chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhiều hành vi vi phạm còn quy định bỏ sót, v.v.

(ii) Thực tiễn thực thi pháp luật về kiểm soát hành vi HCCT đã đạt được những kết quả khả quan, đặc biệt thời điểm Luật Cạnh tranh năm 2018 được ban hành và có hiệu lực. Tuy nhiên, thực tiễn điều tra, xử lý các vụ việc HCCT vẫn còn nhiều điểm tồn tại, như một số kết luận điều tra chưa khách quan, thuyết phục; sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng chưa hiệu quả; số lượng, trình độ của cán bộ trong các cơ quan tố tụng cạnh tranh còn hạn chế.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH

3.1. Định hướng hòa thiện pháp luật về nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật Việt Nam về hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hành vi HCCT phải dựa trên cơ sở tôn trọng và đảm bảo quyền tự do kinh doanh.

Thứ hai, xây dựng quy định về kiểm soát hành vi HCCT phải phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội và pháp lý hành chính Việt Nam trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Thứ ba, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về xây dựng cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh.

Thứ tư, để kiểm soát hiệu quả hành vi HCCT trong thực tiễn cần xây dựng cơ quan tiến hành tố tụng đảm bảo nguyên tắc độc lập trong tổ chức và hoạt động.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hành vi hạn chế cạnh tranh

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, cần xác định đúng bản chất hành vi HCCT để quy định rõ các điều kiện miễn trừ phù hợp đối với từng loại thỏa thuận HCCT.

Thứ hai, xây dựng các dấu hiệu cụ thể để xác định hình thức “thỏa thuận” HCCT. Để xử lý một cách triệt để, tạo cơ sở cho cơ quan điều tra dễ xác định và nhận diện “thỏa thuận” HCCT trong thực tiễn, Luật Cạnh tranh cần làm rõ các dấu hiệu để xác định nội hàm của “thỏa thuận”, ví như: (i) Dấu hiệu về sự thống nhất ý chí; (ii) Cùng hành động trên thực tế; (iii) Hậu quả như thế (có cần buộc có hậu quả xảy ra chưa hay chỉ cần thực hiện trên thực tế là đủ căn cứ).

Thứ ba, cần quy định về hình phạt ở mức độ nghiêm khắc hơn và có hình thức khuyến khích các bên của thỏa thuận chủ động tố giác thỏa thuận HCCT⁶. Để tăng tính răn đe với các hành vi thỏa thuận HCCT, nhà làm luật cần

⁶ Bộ luật Hình sự 2015 đã hình sự hóa hành vi thỏa thuận HCCT, khẳng định tính nghiêm khắc của pháp luật đối với hành vi này. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng việc quy định về hành vi này tại Điều 217 chưa được nghiên cứu kỹ và có thể làm phát sinh nhiều vấn đề trong quá trình thực hiện. Xem thêm: Đoàn Tử Tích Phước (2016), Chống

khảo cứu kinh nghiệm của Hoa Kỳ và EU để tăng % mức phạt đối với các hành vi thỏa thuận HCCT.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường

Thứ nhất, việc đánh giá sự tương tự của hai giao dịch không phải là một vấn đề dễ dàng, vì có vô số các yếu tố có thể được viện dẫn để biện minh cho sự không tương tự giữa hai giao dịch. Đối tượng của giao dịch là yếu tố quan trọng hàng đầu nhưng không đủ để kết luận hai giao dịch có tương tự nhau không mà phải được xem xét, đồng thời cùng các yếu tố khác như khối lượng mua, chi phí cho việc bán (tiếp thị, vận chuyển...), thời điểm, tình trạng thị trường khi giao dịch, v.v. Tất cả các điều kiện có thể làm cho lợi ích của các bên từ giao dịch là khác nhau.

Thứ hai, không phải mọi điều kiện giao dịch khác nhau đều tạo ra sự bất bình đẳng trong cạnh tranh cho các khách hàng của doanh nghiệp thống lĩnh thị trường ở thị trường thứ cấp, do đó thay vì quy định chung chung là các điều kiện mua, bán thì Luật Cạnh tranh cần quy định các điều kiện cụ thể và nên tập trung vào yếu tố định lượng, yếu tố kinh tế của giao dịch để đánh giá sự khác biệt như giá bán, tỷ lệ chiết khấu, giảm giá, dịch vụ khách hàng... như kinh nghiệm của EU và Hoa Kỳ.

Thứ ba, cần có quy định hướng dẫn việc xác định sự khác biệt trong các điều kiện giao dịch, nhất là ngưỡng xác định như thế nào đủ bị coi là phân biệt giá, vốn là dạng điển hình và phức tạp nhất của hành vi phân biệt đối xử của doanh nghiệp thống lĩnh.

3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về hành vi lạm dụng vị trí độc quyền

Thứ nhất, bổ sung quy định về cấm hành vi “*lạm dụng vị trí thống lĩnh để đơn phương tạm ngừng thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng*”. Cần bổ sung thêm quy định cấm hành vi “*lạm dụng vị trí thống lĩnh để đơn phương tạm ngừng thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng*” là hoàn toàn cần thiết và phù hợp với thực tiễn đặt ra.

Thứ hai, cần quy định tách rời các hành vi tại điểm c khoản 2 Điều 27 Luật Cạnh tranh năm 2018 thành các hành vi độc lập.

Cartel, phải phạt thật nặng, <http://baodautu.vn/chong-cartel-phai-phat-that-nang-d38992.html> (truy cập lần cuối: 09/05/2017).

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, xây dựng vị thế pháp lý của UBCTQG tương xứng với nhiệm vụ, chức năng được giao nhằm xử lý hiệu quả các hành vi HCCT.

Thứ hai, nâng cao chất lượng và số lượng đối với nguồn nhân lực trong xử lý vụ việc HCCT. Cần tăng cường về số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh. Các cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh phải chủ động theo dõi tình hình thế giới, dự báo kịp thời, nhằm hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, bảo đảm các hoạt động cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Thứ ba, tăng cường kinh phí hoạt động cho hoạt động xử lý vụ việc HCCT.

Thứ tư, nâng cao năng lực, nhận thức về pháp luật HCCT cho doanh nghiệp.

Thứ năm, xây dựng và vận hành hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan trong quá trình thực thi pháp luật về hành vi HCCT.

(i) Về phía cộng đồng doanh nghiệp. Cần chủ động xây dựng cơ chế phối hợp giữa các doanh nghiệp để nâng cao khả năng tập hợp lực lượng giữa các doanh nghiệp của hiệp hội ngành hàng nhằm kịp thời nhận diện và phòng các hành vi HCCT trên thị trường.

(ii) Về cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh. Xây dựng quy chế phối hợp giải quyết vụ việc cạnh tranh giữa doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước có liên quan như Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc HCCT, Hội đồng giải quyết khiếu, chính quyền và các sở ban hành địa phương liên quan và cơ quan liên quan khác.

Thứ ba, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hành vi HCCT. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về cạnh tranh và các bước giải quyết vụ việc HCCT, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cạnh tranh cho doanh nghiệp, chủ thể kinh doanh trên thị trường nắm bắt, vận dụng. Tiến hành kiểm tra, giám sát quá trình tiến hành tố tụng đối với hành vi HCCT, giúp các cơ quan thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và xử lý vi phạm khi xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh. Ngoài ra, công tác đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm về giải quyết vụ việc cạnh tranh cũng cần phải được thực thi một cách nghiêm túc, thường xuyên, nhằm có những giải pháp và cảnh báo sớm cho các doanh nghiệp trong khởi kiện hiệu quả.

Kết luận chương 3

Để góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hành vi HCCT ở Việt Nam, chương này đã đề xuất được các giải pháp dựa trên những luận cứ khoa học được xây dựng một cách có hệ thống từ những vấn đề lý luận cho đến thực tiễn thực thi được phân tích một cách đầy đủ, khoa học, xuyên suốt, cụ thể:

(i) Dựa trên cơ sở lý luận cũng như kết quả đánh giá thực trạng pháp luật về hành vi HCCT, công trình đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hành thi thỏa thuận HCCT; giải pháp hoàn thiện pháp luật về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường; giải pháp hoàn thiện pháp luật về hành vi lạm dụng vị trí độc quyền.

(ii) Từ kết quả đánh giá thực tiễn hoạt động thực thi pháp luật về kiểm soát hành vi HCCT, công trình đã đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về kiểm soát hành vi HCCT, như hoàn thiện địa vị pháp lý của cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh để nâng cao hiệu quả xử lý đối với hành vi HCCT; nâng cao nhận thức và năng lực của doanh nghiệp đối với kiểm soát hiệu quả hành vi HCCT; tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về hành vi HCCT.

KẾT LUẬN

qua phân tích các quy định luật thực định, người nghiên cứu nhận thấy, các quy định về hành vi HCCT còn bộc lộ nhiều bất cập, như các quy định chưa bao quát hết các hành vi HCCT trong thực tiễn, mức xử lý đối với hành vi HCCT còn chưa có tính răn đe, v.v. Hơn nữa, mặc dù từ khi Luật Cạnh tranh năm 2018 có hiệu lực đến nay, cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh đã xử lý được một số vụ việc HCCT; ban hành được các văn bản để tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát hành vi HCCT; công tác tuyên truyền pháp luật về hành vi HCCT cũng đã được quan tâm, thực hiện. Tuy vậy, thực tiễn thực thi vẫn bộc lộ một số hạn chế, tồn tại như: Cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh chưa thực sự được thiết lập trong thực tiễn; nhận thức năng lực của doanh nghiệp để chống lại hành vi HCCT còn thiếu và yếu, v.v.

Từ hệ thống cơ sở lý luận khoa học được phân tích, đánh giá dựa trên các học thuyết, quan điểm khoa học, số liệu thu thập từ thực tiễn, Luận văn đã đề xuất được các giải pháp hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi pháp luật về hành vi HCCT, đáp ứng yêu cầu và chủ trương đường lối hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả của Việt Nam hiện tại và tương lai.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Các văn bản luật

[1] Quốc hội (2015), Bộ Luật Dân sự.

[2] Quốc hội (2004) Luật Cạnh tranh năm.

[3] Quốc hội (2018) Luật Cạnh tranh năm.

[4] Chính phủ (2019), Nghị định số 75/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt trong lĩnh vực cạnh tranh

[5] Chính phủ (2020), Nghị định số 35/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Cạnh tranh năm 2018.

[6] Chính phủ (2023), Nghị định số 03/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBCTQG.

[7] Đài Loan (1991), Luật Thương mại lành mạnh (sửa đổi, bổ sung 1999,2000)

[8] Nhật Bản (1992), Luật Chống độc quyền (sửa đổi, bổ sung năm 2003)

II. Các nghiên cứu trao đổi

[9] Akman, Pinar, To Abuse, or not to Abuse: Discrimination between Consumers (November 1st, 2006). CCP Working Paper No. 06 - 18; CCP Working Paper No. 06-

[10] Ban chỉ đạo 35 Bộ Công thương (2020), “*Kết quả đạt được sau 2 năm thực hiện Luật Cạnh tranh: Góc nhìn từ cơ quan quản lý*”, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ket-qua-dat-duoc-sau-2-nam-thuc-hien-luat-can-h-tranh-goc-nhin-tu-co-quan-quan-ly-83759.htm>, truy cập ngày 3/3/2023.

[11] Bộ Công thương (2023), “*Quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh trong vụ việc có liên quan tới Công ty TNHH GrabTaxi và Công ty TNHH Uber Việt Nam*”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/quyet-dinh-cua-hoi-dong-xu-ly-vu-viec-can-h-tranh-trong-vu-vi.html>, truy cập ngày 12/03/2023.

[12] Bộ Công thương (2017) “*Báo cáo tổng kết 12 năm thi hành Luật cạnh tranh năm 2004*”, <https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/42994>, truy cập ngày 12/3/2023.

[13] Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), “*Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn trên thế giới một thế kỷ qua*”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/c-mac/nguyen-cuu-hoc-tap-tu-tuong/thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi-ly-luan->

cua-chu-nghia-mac-lenin-va-thuc-tien-tren-the-gioi-mot-the-3424, truy cập ngày 30/3/2023.

[14] Đảng cộng sản Việt Nam (2021), “*Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*”, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[15] Đạo luật Sherman Antitrust Act, do nghị sĩ Sherman của bang Ohio xây dựng, được hạ viện Mỹ thông qua ngày 20/6/1980 và Tổng thống Harrison kí công bố ngày 2/7/1980.

[16] Đạo luật Clayton của Hoa Kỳ (Section 13 Clayton Act 1914) http://www.stern.nyu.edu/networks/ShermanClaytonFTC_Acts.pdf.

[17] Mai Xuân Hợi (2014) “*Cơ quan thực thi pháp luật về cạnh tranh ở Việt Nam*”, Luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế, thực hiện tại Khoa Luật, Đại học Huế.

[18] Hội đồng Cạnh tranh Việt Nam (2012), *Vụ việc hạn chế cạnh tranh lạm dụng vị trí độc quyền*, <http://www.hoidongcanhtranh.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&id=97>, truy cập ngày 31/3/2023.

[19] Hội đồng cạnh tranh Việt Nam, *Vụ việc Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh*, <http://www.hoidongcanhtranh.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&id=99>, truy cập ngày 31/3/2023.

[20] Hội đồng cạnh tranh Việt Nam, *Giải quyết vụ việc 12 doanh nghiệp bảo hiểm vi phạm các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm*, <http://www.hoidongcanhtranh.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&id=55>, truy cập ngày 31/3/2023.

[21] Đặng Vũ Huân, *pháp luật về kiểm soát độc quyền và chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học.

[22] Joe S. Bain (2006), *What Determines Cartel Success?* (Điều Gì Quyết Định Đến Sự Thành Công Của Thỏa Thuận HCCT?), Tạp chí Journal of Economic Literature, Vol. XLI (tháng 03/2006).

[23] Trần Thùy Linh (2017), *Thực trạng và giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật cạnh tranh*, <https://tapchitaichinh.vn/thuc-trang-va-giai-phap-hoan-thien-cac-quy-dinh-cua-phap-luat-can-h-tranh.html>, truy cập ngày 02/4/2023.

[24] Phạm Duy Nghĩa (2004), “Chuyên khảo Luật Kinh tế”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[25] Pháp luật (2010), *Điều trần thất bại tại Hội đồng cạnh tranh: 19 doanh nghiệp bảo hiểm chịu phạt*, <http://www.baohoabinh.com.vn/217/48062/Dieu-tran-that-bai-tai-Hoi-dong-can-h-tranh-19-doanh-nghiep-bao-hiem-chiu-phat.htm>, truy cập ngày 31/3/2023.

[26] Pháp luật (2022), *Một số nội dung của pháp luật cạnh tranh Việt Nam doanh nghiệp cần lưu ý khi tham gia vào thị trường các nước thành viên EVFTA*, <https://phapluatquanly.vietnamhoinhap.vn/mot-so-noi-dung-cua-phap-luat-can-hanh-tranh-viet-nam-doanh-nghiep-can-luu-y-khi-tham-gia-va-thi-truong-cac-nuoc-thanh-vien-evfta-4504.htm>, truy cập ngày 31/3/2023.

[27] Phillip Areeda, Herbert Hovenkamp (2000), *Antitrust Law: An Analysis of Antitrust Principles and Their Application* (Pháp luật về Chống độc quyền: Phân tích về Những Nguyên tắc Chống độc quyền và Ứng dụng của chúng), ấn bản số 02.

[28] Robert H. Bork (1987), *The Antitrust Paradox: A Policy at War with Itself* (Nghịch lý trong Chống độc quyền: Một Chính sách Mâu thuẫn với Chính nó), Basic Books, Inc, New York.

[29] Phạm Phương Thảo (2019), “*Thực tiễn xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo pháp luật Việt Nam hiện nay và một số giải pháp hoàn thiện*”. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-tien-xu-ly-hanh-vi-han-che-can-hanh-tranh-bi-cam-theo-phap-luat-viet-nam-hien-nay-va-mot-so-giai-phap-hoan-thien-63507.htm>. Truy cập ngày 12/3/2023.

[30] Uyên Hương (2021), “*Luật Cạnh tranh 2018: Tạo lập môi trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh*”. <https://bnews.vn/luat-can-hanh-tranh-2018-tao-lap-moi-truong-can-hanh-tranh-cong-bang-lanh-manh/218102.html> , truy cập ngày 12/3/2023.